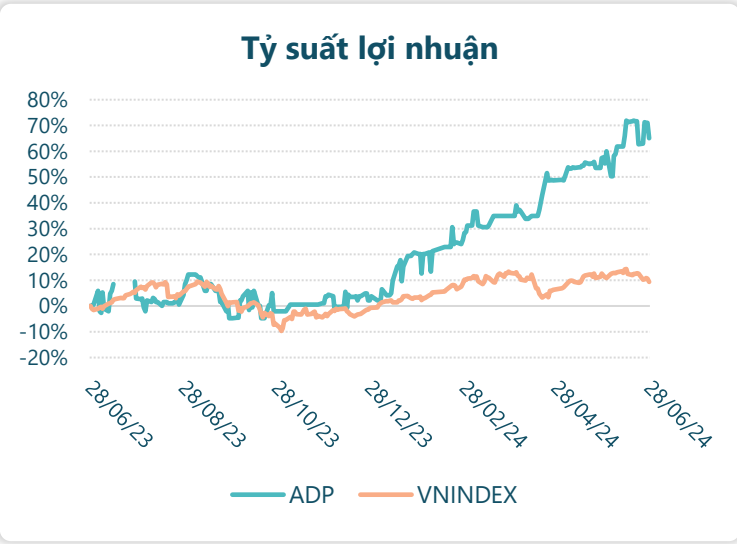


Ngày	27,850 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	13.1%	25.9%	62.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	642
Số lượng CPLH (CP)	23,039,850
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,780
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.41
EPS	3,976
P/E	7.0



Doanh thu thuần
Q2/24

245

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 79.0 | 47.8%

YoY: ▲ 157 | 180%

LN gộp
Q2/24

50.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.5 | 33.0%

YoY: ▲ 35.6 | 239%

LN trước thuế
Q2/24

34.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.50 | 22.9%

YoY: ▲ 24.4 | 237%

Nợ/VCSH
Q2/24

51.9%

YoY: +/-▲ 21.9%

ROE (TTM)
Q2/24

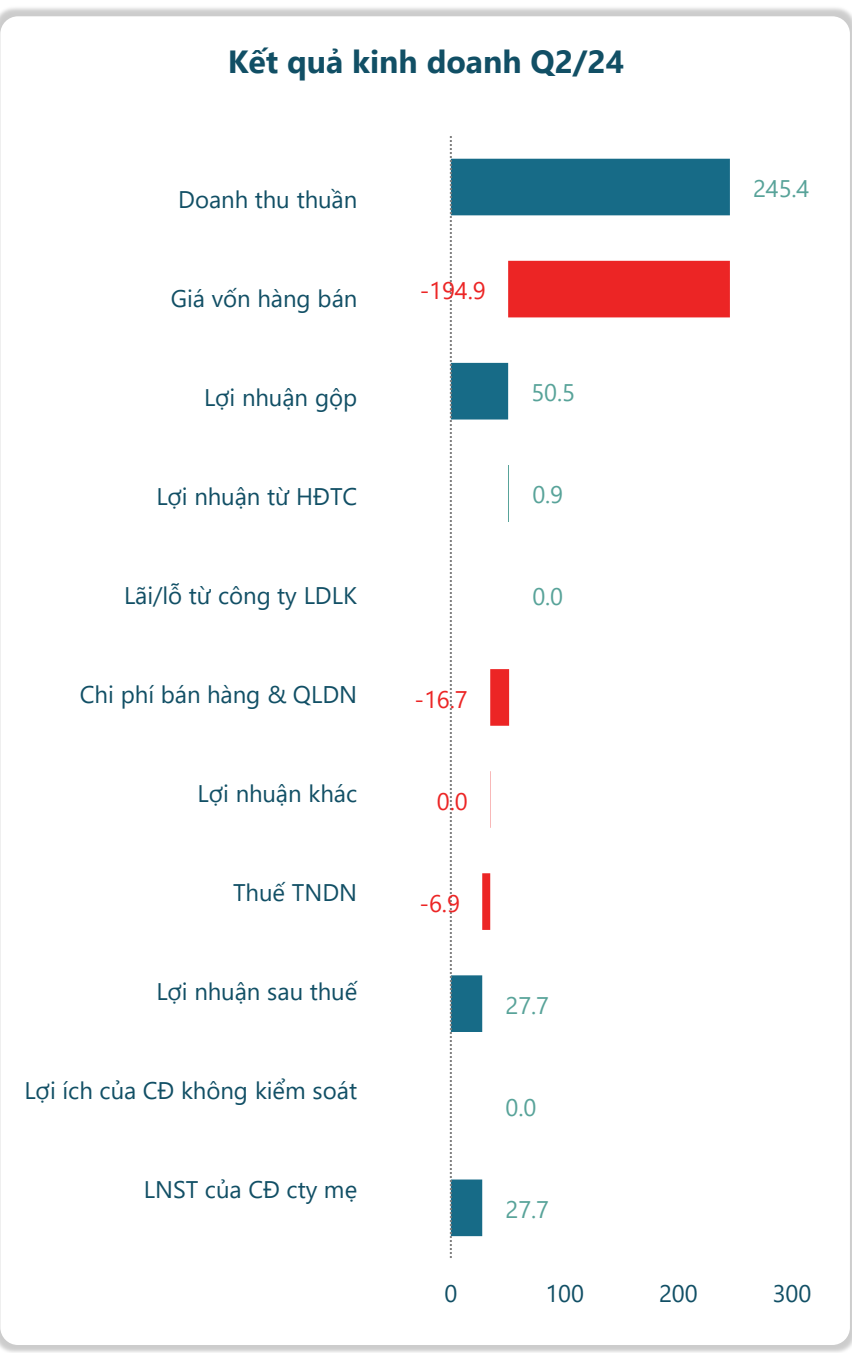
34.6%

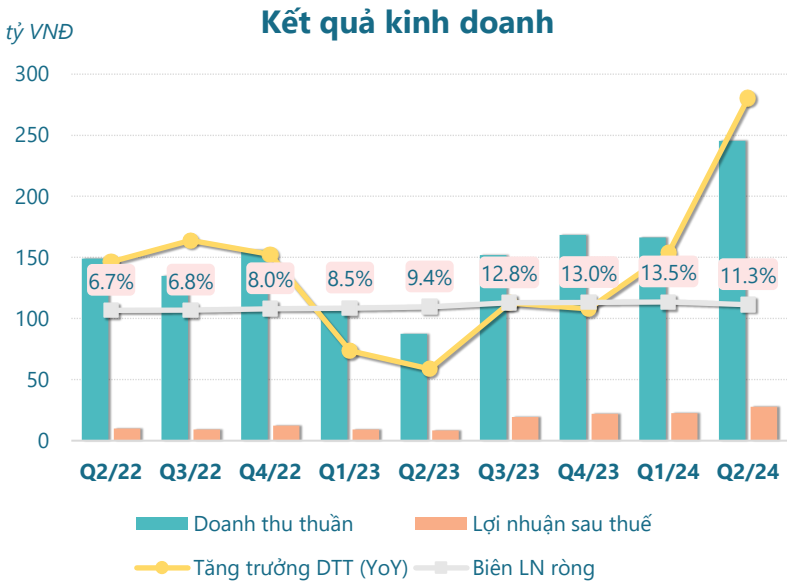
YoY: +/-▲ 9.7%

ROA (TTM)
Q2/24

25.5%

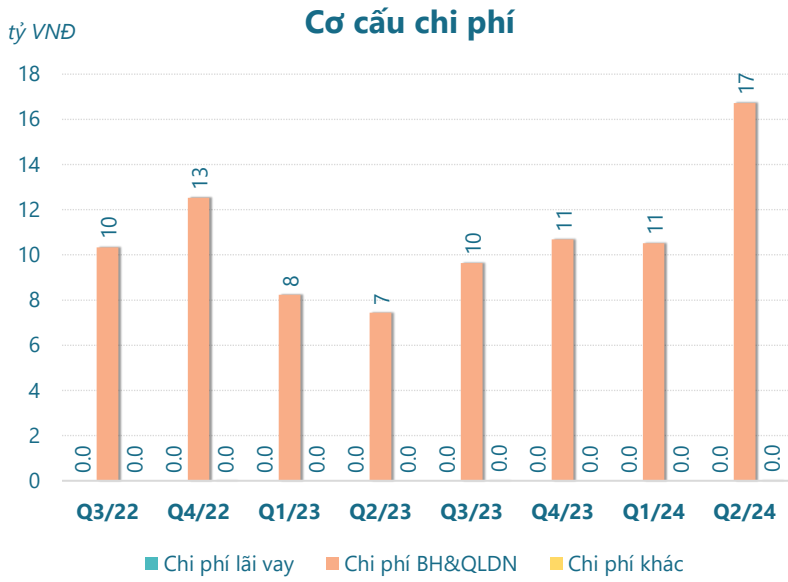
YoY: +/-▲ 5.8%





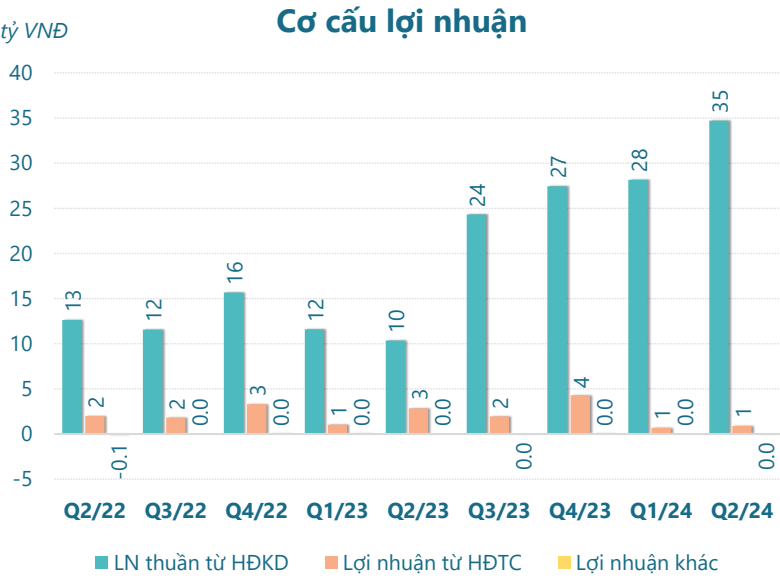
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 34.69 tỷ đồng**, tăng thêm 23.2% so với kỳ trước và cao hơn 235% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.88 tỷ đồng**, tăng thêm 25.7% so với kỳ trước và thấp hơn 69.1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.02 tỷ đồng** giảm đi 0.02 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.02 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **ADP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **245.4 tỷ đồng** tăng thêm **180%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 27.73 tỷ đồng**, **tăng trưởng 235%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **412.0 tỷ đồng** cao hơn 110% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 50.00 tỷ đồng** cao hơn 178% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **16.72 tỷ đồng** tăng thêm 58.9% so với kỳ trước và cao hơn 125% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.02 tỷ đồng** tăng thêm 0.02 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.02 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	245	166	47.8%	87.6	180%	412	196	110%
Giá vốn hàng bán	195	128	52.3%	72.6	168%	323	162	99.2%
Lợi nhuận gộp	50.5	38.0	33.0%	14.9	239%	88.5	33.7	163%
Doanh thu HĐTC	1.45	0.81	79.2%	2.99	-51.5%	2.26	4.04	-43.9%
Chi phí TC	0.57	0.12	378%	0.14	309%	0.69	0.14	388%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.60	3.65	26.2%	2.78	65.6%	8.26	6.70	23.2%
Chi phí QLDN	12.1	6.86	76.6%	4.66	160%	19.0	8.97	112%
LN thuần từ HĐKD	34.7	28.2	23.0%	10.3	237%	62.8	21.9	187%
Lợi nhuận khác	-0.02	0.00		0.00		-0.02	0.00	-26450%
LN trước thuế	34.7	28.2	22.9%	10.3	237%	62.8	21.9	187%
Lợi nhuận sau thuế	27.7	22.5	23.3%	8.27	235%	50.3	17.5	187%
LNST của CĐ cty mẹ	27.7	22.5	23.3%	8.27	235%	50.3	17.5	187%

